TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **340/**2023/HNGĐ – ST
Ngày 16- 10- 2023
V/v tranh chấp "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm;
2. Ông Nguyễn Văn Tùng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2023/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2023/QĐST – HNGĐ ngày 30/9/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp BT, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- **Bị đơn**: Ông Phạm Văn Bé S, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp BT, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc C trình bày*:**

Vào năm 1996 bà và ông Phạm Văn Bé S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/1996. Trong thời gian sống chung bà và ông Bé S có 04 con chung tên Phạm Thị H, sinh năm 1983, Phạm Văn T, sinh năm 1985; Phạm Văn Tuấn E, sinh năm 1988; Phạm Văn D, sinh năm 1992, hiện nay các con chung đã trưởng thành.

Trong thời gian sống chung ông, bà không có tạo lập tài sản chung; Ông, bà không có nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn: là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung; ông Bé S không quan tâm chăm sóc cho vợ con, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ông Bé S thường xuyên đi nhậu về chửi mắng vợ con, thường xuyên dung lời lẽ xúc phạm bà và các con, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; ông, bà không còn sống chung hơn 10 năm cho đến nay. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn Bé S. Bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ *Về con chung:* Tên Phạm Thị H, sinh năm 1983, Phạm Văn T, sinh năm 1985; Phạm Văn Tuấn E, sinh năm 1985; Phạm Văn D, sinh năm 1992 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ *Về tài sản chung:* không yêu cầu giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn ông Phạm Văn Bé S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Bé S vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Phạm Văn Bé S hiện có đăng ký thường trú tại ấp BT, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phạm Văn Bé S đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Bé S vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị Ngọc C, ông Phạm Văn Bé S.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc C và ông Phạm Văn Bé S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân UBND xã TT, huyện Chợ Lách và

được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/1996. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà C và ông Bé S được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà C xin ly hôn với ông Bé S là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung; gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; ông, bà không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy: Từ năm 2013 cho đến nay bà C, ông S không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặt khác ông Bé S biết rõ việc bà C xin ly hôn với ông, Tòa án đã tạo điều kiện để bà C, ông Bé S hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông Bé S vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà C và ông Bé S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C là phù hợp. Do bà Trần Thị Ngọc C và ông Phạm Văn Bé S không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Tên Phạm Thị H, sinh năm 1983, Phạm Văn T, sinh năm 1985; Phạm Văn Tuấn E, sinh năm 1988; Phạm Văn D, sinh năm 1992 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Bà Trần Thị Ngọc C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 55 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc C. Bà Trần Thị Ngọc C được ly hôn với ông Phạm Văn Bé S.

Do bà Trần Thị Ngọc C và ông Phạm Văn Bé S không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Tên Phạm Thị H, sinh năm 1983, Phạm Văn T, sinh năm 1985; Phạm Văn Tuấn E, sinh năm 1988; Phạm Văn D, sinh năm 1992 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3.Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc C phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007679 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thiềng;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Trần Tất Linh – Đỗ Văn Lom	**Huỳnh Thị Phê**

Nơi nhận:
- TA tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Chợ Lách;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách;
- Lưu HSVA+VP.

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- UBND xã Tân Phong; **HUỲNH THỊ PHÊ**
- Lưu.

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân toaï phieân toaø

Thaåm phaùn – Chuû